

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		45,944,217,409.00	36,621,047,827
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9,382,041,777	7,146,535,931
1. Tiền	111		9,382,041,777	7,146,535,931
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27,459,320,814	14,174,348,696
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	24,130,490,083	13,936,921,621
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2,073,376,273	10,175,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1,724,881,696	227,252,075
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(469,427,238)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		8,004,703,079	12,668,681,333
1. Hàng tồn kho	141	V.6	8,004,703,079	12,668,681,333
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,098,151,739	2,631,481,867
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	568,027,058	329,154,170
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		471,031,558	2,302,327,697
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	59,093,123	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48,035,863,445	41,782,748,177
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		387,037,200	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		387,037,200	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		41,741,861,264	36,815,002,061
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	41,066,541,461	36,098,336,150
<i>Nguyên giá</i>	222		65,569,826,302	57,270,586,564
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(24,503,284,841)	(21,172,250,414)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	675,319,803	716,665,911
<i>Nguyên giá</i>	228		1,134,381,101	1,134,381,101
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(459,061,298)	(417,715,190)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	5,182,000,727	3,938,706,727
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5,182,000,727	3,938,706,727
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		724,964,254	1,029,039,389
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	724,964,254	1,029,039,389
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		93,980,080,854	78,403,796,004

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		48,298,133,534	32,611,485,069
I. Nợ ngắn hạn	310		39,980,049,534	28,942,256,069
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	22,410,992,086	13,066,006,877
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	-	42,500,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	372,441,058	176,204,416
4. Phải trả người lao động	314		3,811,939,053	3,896,326,121
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	398,432,188	285,762,484
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1,571,768,139	4,962,381
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	11,310,097,890	11,082,140,080
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	104,379,120	388,353,710
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		8,318,084,000	3,669,229,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	8,318,084,000	3,669,229,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		45,681,947,320	45,792,310,935
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	45,681,947,320	45,792,310,935
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		28,500,000,000	28,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		28,500,000,000	28,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8,060,731,815	7,776,519,735
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9,121,215,505	9,515,791,200
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9,121,327,024	9,515,791,200
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		93,980,080,854	78,403,796,004

Người lập biểu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương

Lập, ngày 13 tháng 10 năm 2015



Hoàng Trọng Diên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm 2015

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Đơn vị tính: VND
		Năm nay	Năm trước		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VI.1	49,569,521,416	45,665,909,378	121,974,360,040	100,020,014,756
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02 VI.2	615,187,075	795,934,003	1,809,850,018	2,594,795,001
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 VI.3	48,954,334,341	44,869,975,375	120,164,510,022	97,425,219,755
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.4	27,376,217,899	24,032,818,301	67,886,863,846	51,035,127,019
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20 VI.5	21,578,116,442	20,837,157,074	52,277,646,176	46,390,092,736
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.6	34,470,624	31,279,191	84,635,342	420,465,383
7. Chi phí tài chính	22 VI.7	581,324,537	126,884,066	1,240,436,055	450,827,411
Trong đó: chi phí lãi vay	23 VI.8	250,634,588	64,821,334	545,473,600	233,130,450
8. Chi phí bán hàng	24 VI.9	13,453,913,384	15,045,074,943	36,517,861,064	34,384,228,532
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 VI.10	1,592,779,856	1,201,283,112	4,920,877,964	3,609,129,744
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30 VI.11	5,984,569,289	4,495,194,144	9,683,106,435	8,366,372,432
11. Thu nhập khác	31 VI.12	5,000,000	-	20,000,000	6,960,466
12. Chi phí khác	32 VI.13	51,593,945	-	56,324,530	6,511,000
13. Lợi nhuận khác	40 VI.14	(46,593,945)	-	(36,324,530)	449,466
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50 VI.15	5,937,975,344	4,495,194,144	9,646,781,905	8,366,821,898

15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.13	324,790,245	225,910,057	525,566,400	421,483,042
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5,613,185,099	4,269,284,087	9,121,215,505	7,945,338,856
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1,694	1,269	2,801	2,430
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

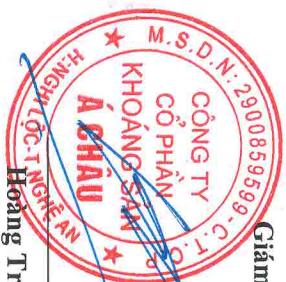
Người lập biên

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương

Giám đốc



Hồng Trọng Diên

Lập ngày 13 tháng 10 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý III năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		120,319,866,489	96,366,446,166
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(85,481,734,145)	(70,976,051,681)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14,902,695,711)	(10,800,753,670)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(513,325,079)	(433,343,634)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(297,345,563)	(305,695,989)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2,673,843,873	1,261,063,605
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8,499,824,104)	(6,607,778,076)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD</i>	<i>20</i>		<u><u>13,298,785,760</u></u>	<u><u>8,503,886,721</u></u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(9,019,292,293)	(7,965,338,300)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(13,610,683,626)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	20,233,397,775
5. Tiền chi cho đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13,330,401	201,507,906
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<u><u>(9,005,961,892)</u></u>	<u><u>(1,141,116,245)</u></u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		25,967,419,180	16,537,502,350
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(21,545,840,161)	(12,756,959,460)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6,479,846,000)	(7,727,706,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>30</i>		<u><u>(2,058,266,981)</u></u>	<u><u>(3,947,163,110)</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2,234,556,887	3,415,607,366
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7,146,535,931	7,843,834,559
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		948,959	177,986
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>9,382,041,777</u>	<u>11,259,619,911</u>

Lập ngày 13 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lưu Thị Thu

Nguyễn Văn Chương

Hoàng Trọng Diên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý III năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực khai thác, sản xuất, mua bán bột đá siêu mịn và dịch vụ vận chuyển.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến, mua bán, bán lẻ sản phẩm bột đá trắng siêu mịn các loại.
- Khai thác đá, cát, sỏi đất sét;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 103 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 96 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất chung.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Tài sản cố định khác	6

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền khai thác mỏ

Quyền khai thác mỏ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính để có quyền khai thác mỏ đá. Quyền khai thác mỏ được khấu hao trong 20 năm.

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng. Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng được khấu hao từ 4 đến 6 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.730.281.674	563.501.655
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.651.760.103	6.583.034.276
Cộng	<u>9.382.041.777</u>	<u>7.146.535.931</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	24.130.490.083	13.936.921.621
Công ty 4 Oranges Co.Ltd	6.895.688.200	5.501.587.700
Công ty cổ phần Nhựa Châu Âu	5.579.138.457	-
Các khách hàng khác	11.655.663.426	8.435.333.921
Cộng	<u>24.130.490.083</u>	<u>13.936.921.621</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	2.073.376.273	10.175.000
Công ty TNHH Phú Đại Lộc	1.155.000.000	-
Công ty TNHH XNK Thượng Giai	675.700.000	-
Các nhà cung cấp khác	242.676.273	10.175.000
Cộng	2.073.376.273	10.175.000

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.724.881.696	-	227.252.075	-
Tạm ứng cho CBCNV	1.622.416.867	-	94.766.304	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	102.464.829	-	132.485.771	-
Cộng	1.724.881.696	-	227.252.075	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền ký quỹ (lần đầu) về việc cam kết cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác đá tại mỏ đá hoa Bản Ngọc, xã Châu Hồng, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>					
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		1.159.824.125	690.396.887	-	-
Công ty TNHH Hóa Chất DSH	Từ 01 đến 02 năm	607.400.000	303.700.000	-	-
Công ty TNHH Thuận Lợi	6 tháng đến dưới 01 năm	552.424.125	386.696.887	-	-
Cộng		1.159.824.125	690.396.887	-	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	-	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	469.427.238	-	469.427.238
Số cuối kỳ	469.427.238	-	469.427.238

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.868.279.788	-	6.650.833.271	-
Công cụ, dụng cụ	220.195.743	-	436.015.365	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	374.456.237	-	1.106.415.425	-
Thành phẩm	1.158.558.528	-	4.419.079.959	-
Hàng hóa	383.212.783	-	56.337.313	-
Cộng	8.004.703.079	-	12.668.681.333	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	57.462.951	2.057.258
Công cụ dụng cụ	137.541.563	111.611.429
Chi phí sửa chữa	42.143.819	102.712.742
Chi phí vận chuyển	226.497.192	112.772.741
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	104.381.533	-
Cộng	568.027.058	329.154.170

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	655.766.687	852.421.243
Chi phí sửa chữa	62.716.435	145.255.456
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.481.132	31.362.690
Cộng	724.964.254	1.029.039.389

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	15.791.821.005	37.740.395.342	3.696.218.737	42.151.480	57.270.586.564
XDCB hoàn thành trong kỳ	2.279.201.177	4.928.929.101	677.200.369	-	7.885.330.647
Mua trong kỳ	-	-	375.727.273	38.181.818	413.909.091
Số cuối kỳ	18.071.022.182	42.669.324.443	4.749.146.379	80.333.298	65.569.826.302
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	621.120.453	731.660.229	667.558.250	42.151.481	2.062.490.413
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.815.007.936	14.553.808.379	1.761.282.618	42.151.480	21.172.250.414
Khấu hao trong kỳ	789.939.447	2.210.061.897	328.434.597	2.598.486	3.331.034.427
Số cuối kỳ	5.604.947.383	16.763.870.276	2.089.717.215	44.749.967	24.503.284.841

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	10.976.813.069	23.186.586.963	1.934.936.119	-	36.098.336.150
Số cuối kỳ	12.466.074.799	25.905.454.167	2.659.429.164	35.583.332	41.066.541.461
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 10.336.630.454 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Trung Đô và Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vinh.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền khai thác mỏ	Chứng nhận hệ thống QLCL (ISO)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.102.562.919	31.818.182	1.134.381.101
Số cuối kỳ	1.102.562.919	31.818.182	1.134.381.101
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	31.818.182	31.818.182
Chờ thanh lý			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	385.897.008	31.818.182	417.715.190
Khấu hao trong kỳ	41.346.108	-	41.346.108
Số cuối kỳ	427.243.116	31.818.182	459.061.298
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	716.665.911	-	716.665.911
Số cuối kỳ	675.319.803	-	675.319.803
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Kho chứa vật liệu	112.045.818	-	-	112.045.818
- Đường nội bộ mỏ đá Châu Hồng	1.963.024.545	-	-	1.963.024.545
- Dự án mỏ đá Châu Hồng	1.863.636.364	1.243.294.000	-	3.106.930.364
- Xilô tráng phủ	-	206.203.327	(206.203.327)	-
- Sân, đường bê tông, vườn hoa	-	2.055.903.734	(2.055.903.734)	-
- Dây chuyền nghiền đá	-	5.623.223.586	(5.623.223.586)	-
Cộng	3.938.706.727	9.128.624.647	7.885.330.647	5.182.000.727

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	22.410.992.086	13.066.006.877
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông á	4.254.343.090	767.617.755
Công ty Cổ phần Nhật Việt	4.247.206.849	4.320.144.849
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu tại Nghệ An	3.847.026.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Nghệ An	1.723.071.113	1.137.026.815
Công ty TNHH Chế biến Lâm sản Trung Liên	1.085.348.279	566.542.010
Các nhà cung cấp khác	7.253.996.755	6.274.675.448
Cộng	22.410.992.086	13.066.006.877

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	-	42.500.000
-	-	-
Các khách hàng khác	-	42.500.000
Cộng	-	42.500.000

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa		-	160.358.337	(160.358.337)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			29.393.595	(29.393.595)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu		-	1.809.850.018	(1.868.943.141)	59.093.123	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp		88.567.741	525.566.400	(297.345.563)	-	316.788.578
Thuế thu nhập cá nhân		1.905.000	275.654.229	(273.471.229)	-	4.088.000
Thuế tài nguyên		57.877.785	363.994.311	(385.234.176)	-	36.637.920
Phí môi trường		25.453.890	119.289.085	(129.816.415)		14.926.560
Thuế môn bài		-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Các loại thuế khác		2.400.000	1.598.099.854	(1.600.499.854)	-	-
Cộng		176.204.416	4.885.205.829	(4.748.062.310)	59.093.123	372.441.058

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Bột đá bán trong nước	10%
Bột đá xuất khẩu	0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Với hoạt động sản xuất, mua bán bột đá siêu mịn (hoạt động chính), Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến hết năm 2011) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2012 trở đi). Với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.646.781.905	8.366.821.898
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	184.076.152	72.114.933
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	196.508.546	92.508.719
<i>Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	116.533.842	18.156.304
- Các khoản điều chỉnh giảm	79.974.704	74.352.415
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản phải thu, tiền</i>	(12.432.394)	(20.393.786)
Thu nhập chịu thuế	9.830.858.057	8.438.936.831
Hoạt động chính	9.677.788.469	8.438.936.831
Hoạt động khác	153.069.588	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động chính	10%	10%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động khác	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	1.001.454.156	843.893.683
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(483.889.423)	(422.410.641)
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu theo QĐ số: 1478/QĐ-CT	8.001.667	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	525.566.400	421.483.042

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế tài nguyên

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá hộc trắng

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	398.432.188	285.762.484
Chi phí lãi vay phải trả	89.258.928	57.045.632
Chi phí vận chuyển phục vụ bán hàng	254.217.520	180.781.818
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	54.955.740	47.935.034
Cộng	<u>398.432.188</u>	<u>285.762.484</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	1.328.585.745	-
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế – Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.192.000.000	-
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế – Phải trả khác	136.585.745	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	243.182.394	4.962.381
Kinh phí công đoàn	21.128.030	-
Bảo hiểm y tế, xã hội, thất nghiệp	107.286.460	-
Cổ tức phải trả	73.360.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	41.407.904	4.962.381
Cộng	<u>1.571.768.139</u>	<u>4.962.381</u>

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**16a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	11.310.097.890	11.310.097.890	11.082.140.080	11.082.140.080
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.509.297.890	9.509.297.890	9.372.540.080	9.372.540.080
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.626.113.550	4.626.113.550	6.850.880.080	6.850.880.080
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	-	-	2.521.660.000	2.521.660.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	4.883.184.340	4.883.184.340	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN)	1.800.800.000	1.800.800.000	1.709.600.000	1.709.600.000
Cộng	<u>11.310.097.890</u>	<u>11.310.097.890</u>	<u>11.082.140.080</u>	<u>11.082.140.080</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Tăng do đánh giá CLTG cuối kỳ</u>		<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Tăng/giảm do CLTG phát sinh</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
			Tăng	Giảm			
Vay ngắn hạn	9.372.540.080	21.389.164.940	297.992.450	(21.545.840.161)	(4.559.419)	9.509.297.890	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Tăng do đánh giá CLTG cuối kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Tăng/giảm do CLTG phát sinh	Số cuối kỳ
ngân hàng						
Vay dài hạn đến hạn trả	1.709.600.000	-	91.200.000	-	-	1.800.800.000
Cộng	11.082.140.080	21.389.164.940	389.192.450	(21.545.840.161)	(4.559.419)	11.310.097.890

16b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Là khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trung Đô để đầu tư xây dựng dây chuyền chế biến bột đá trắng siêu mịn trắng phủ và dây chuyền nghiền đũa, với lãi suất áp dụng theo thông báo lãi suất ưu đãi của VCB Trung Đô đối với Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu và được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.800.800.000	1.709.600.000
Trên 1 năm đến 5 năm	8.318.084.000	3.669.229.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	10.118.884.000	5.378.829.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trung Đô như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	3.669.229.000	1.406.132.500
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	4.453.117.000	5.755.295.000
CLTG đánh giá lại cuối kỳ	195.738.000	63.532.500
Số cuối kỳ	8.318.084.000	7.224.960.000

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	388.353.710	951.579.120	(1.235.553.710)	104.379.120
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	300.000.000	(300.000.000)	-
Cộng	388.353.710	1.251.579.120	(1.535.553.710)	104.379.120

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	28.500.000.000	6.965.256.839	9.768.069.884	45.233.326.723
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	9.515.791.200	9.515.791.200
Trích lập các quỹ	-	811.262.896	(1.788.069.884)	(976.806.988)
Chia cổ tức	-	-	(7.980.000.000)	(7.980.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư cuối năm trước	<u>28.500.000.000</u>	<u>7.776.519.735</u>	<u>9.515.791.200</u>	<u>45.792.310.935</u>
Số dư đầu năm nay	28.500.000.000	7.776.519.735	9.515.791.200	45.792.310.935
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	9.121.215.505	9.121.215.505
Trích lập các quỹ	-	284.212.080	(1.535.791.200)	(1.251.579.120)
Chia cổ tức	-	-	(7.980.000.000)	(7.980.000.000)
Số dư cuối kỳ này	<u>28.500.000.000</u>	<u>8.060.731.815</u>	<u>9.121.215.505</u>	<u>45.681.947.320</u>

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	11.400.000.000	11.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	17.100.000.000	17.100.000.000
Cộng	<u>28.500.000.000</u>	<u>28.500.000.000</u>

18c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.850.000	2.850.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 24 tháng 4 năm 2015 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 7.980.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 284.212.080
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi,	: 951.579.120
• Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	: 300.000.000

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

19a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	109.802,43	1.888,43

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
DNTN Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Tân Hải Nam	540.189.862	540.189.862
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phát Gia Nguyễn	487.648.930	487.648.930
Công ty Cổ phần Tập đoàn ATA	64.335.285	64.335.285
Công ty TNHH Hóa dược Hoàng An	240.536.227	260.536.227
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Hà Bình	65.269.286	65.269.286
Công ty TNHH Nhựa Quang Minh	111.339.072	111.339.072
Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh	24.889.524	24.889.524
Cộng	1.534.208.186	1.554.208.186

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý III/2015</u>	<u>Quý III/2014</u>
Doanh thu bán hàng hóa	10.740.813.831	9.550.191.613
Doanh thu bán thành phẩm	38.663.857.199	36.115.717.765
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	164.850.386	-
Cộng	<u>49.569.521.416</u>	<u>45.665.909.378</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản thuế xuất khẩu.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý III/2015</u>	<u>Quý III/2014</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.277.673.099	6.727.135.171
Giá vốn của thành phẩm đã bán	20.020.983.522	17.305.683.130
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	77.561.278	-
Cộng	<u>27.376.217.899</u>	<u>24.032.818.301</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý III/2015</u>	<u>Quý III/2014</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	363.852
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.791.575	3.171.094
Lãi bán ngoại tệ	17.565.640	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	13.113.409	27.744.245
Cộng	<u>34.470.624</u>	<u>31.279.191</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Quý III/2015</u>	<u>Quý III/2014</u>
Chi phí lãi vay	250.634.588	64.821.334
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	16.887.380	61.930.296
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	312.550.436	-
Lỗ bán ngoại tệ	1.252.133	-
Chi phí tài chính khác	-	132.436
Cộng	<u>581.324.537</u>	<u>126.884.066</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý III/2015</u>	<u>Quý III/2014</u>
Chi phí nhân viên	26.217.000	26.326.000
Chi phí vật liệu, bao bì	272.747.241	251.608.674
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	315.008.613	351.740.972
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.655.909	11.290.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.357.091.286	14.317.251.284
Chi phí bằng tiền khác	474.193.335	86.857.636

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cộng	Quý III/2015	Quý III/2014
	<u>13.453.913.384</u>	<u>15.045.074.943</u>
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Quý III/2015	Quý III/2014
Chi phí nhân viên quản lý	1.012.243.471	874.804.349
Chi phí vật liệu quản lý	100.694.722	64.996.854
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.135.489	22.844.003
Chi phí khấu hao TSCĐ	61.420.566	27.294.121
Thuế, phí và lệ phí	-	5.383.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	156.450.760	116.500.247
Chi phí bằng tiền khác	227.834.848	89.460.356
Cộng	<u>1.592.779.856</u>	<u>1.201.283.112</u>
8. Thu nhập khác		
	Quý III/2015	Quý III/2014
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	5.000.000	-
Xử lý các khoản công nợ không phải trả	-	-
Cộng	<u>5.000.000</u>	<u>-</u>
9. Chi phí khác		
	Quý III/2015	Quý III/2014
Chi phí ủng hộ	7.000.000	-
Truy thu thuế, tiền phạt	44.593.945	-
Cộng	<u>51.593.945</u>	<u>-</u>
10. Lãi trên cổ phiếu		
10a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.121.215.505	7.945.338.856
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành (*)	(1.137.121.551)	(1.019.533.886)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.984.093.955	6.925.804.970
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	2.850.000	2.850.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.801</u>	<u>2.430</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.850.000	2.850.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.850.000	2.850.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Quý III/2015	Quý III/2014
Tiền lương	126.161.840	107.508.522
Phụ cấp	91.042.910	80.428.399
Cộng	217.204.750	187.936.920

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	Cổ đông nắm giữ 40% vốn

Giao dịch với Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế trong kỳ:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức phải trả	3.192.000.000	3.192.000.000
Chi trả cổ tức	(2.000.000.000)	(3.192.000.000)
Tiền bảo hiểm, tiền thuê đất phải trả	226.585.745	226.281.045
Chi phí khai thác mỏ đá	150.882.000	-
Chi trả công nợ khác	(240.882.000)	(239.949.510)

Công nợ với Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	37.231.012.196	11.723.322.145	48.954.334.341
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.231.012.196	11.723.322.145	48.954.334.341
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.773.125.981	2.785.363.720	8.558.489.701
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2.027.066.499)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			6.531.540.590
Doanh thu hoạt động tài chính			34.470.624
Chi phí tài chính			(581.324.537)
Thu nhập khác			5.000.000
Chi phí khác			(51.593.945)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(324.790.245)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			5.613.185.099
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			(5.350.709.812)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			(1.314.779.546)
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	30.424.751.342	14.445.224.033	44.869.975.375
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.424.751.342	14.445.224.033	44.869.975.375
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.383.842.650	2.758.462.388	6.142.305.038
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(1.201.283.112)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			4.590.799.019
Doanh thu hoạt động tài chính			31.279.191
Chi phí tài chính			(126.884.066)
Thu nhập khác			-
Chi phí khác			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(225.910.057)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			4.269.284.087
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			(4.511.295.131)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	(1.081.694.945)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	21.622.827.344	2.038.235.500	23.661.062.844
Tài sản phân bổ cho bộ phận	37.833.523.195	11.913.041.148	49.746.564.343
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			20.572.453.667
Tổng tài sản			93.980.080.854

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	19.943.203.849	6.279.727.290	26.222.931.139
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			22.075.207.765
Tổng nợ phải trả			48.298.138.904

Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	13.936.921.621	-	13.936.921.621
Tài sản phân bổ cho bộ phận	37.096.290.189	16.326.099.932	53.422.390.121
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			11.044.484.262
Tổng tài sản			78.403.796.004

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	42.500.000	-	42.500.000
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	22.021.865.599	9.691.836.479	31.713.702.078
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			855.282.991
Tổng nợ phải trả			32.611.485.069

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá siêu mịn.
- Lĩnh vực dịch vụ vận chuyển.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lĩnh vực sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá siêu mịn	119.899.420.591	97.425.219.755
Lĩnh vực dịch vụ vận chuyển	265.089.431	-
Cộng	120.164.510.022	97.425.219.755

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ					
Phải thu ngắn hạn khác	136	132.485.771	94.766.304	227.252.075	
Tài sản ngắn hạn khác	155	94.766.304	(94.766.304)	-	
Tài sản cố định	220	40.753.708.788	(3.938.706.727)	36.815.002.061	
Tài sản dở dang dài hạn	240	-	3.938.706.727	3.938.706.727	
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.745.849.620	2.030.670.115	7.776.519.735	(*)

(*) Quỹ đầu tư phát triển

Các điều chỉnh bao gồm: Bỏ chỉ tiêu “Quỹ dự phòng tài chính” số tiền 2.030.670.115 VND trên Số liệu trước điều chỉnh, cộng gộp vào chỉ tiêu “Quỹ đầu tư phát triển” mã số 418 trên số liệu sau điều chỉnh.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.382.041.777	-	9.382.041.777
Phải thu khách hàng	22.970.665.958	1.159.824.125	24.130.490.083
Các khoản phải thu khác	28.323.981	-	28.323.981
Cộng	32.381.031.716	1.159.824.125	33.540.855.841
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.146.535.931	-	7.146.535.931
Phải thu khách hàng	13.936.921.621	-	13.936.921.621
Các khoản phải thu khác	32.683.981	-	32.683.981
Cộng	21.116.141.533	-	21.116.141.533

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	11.310.097.890	8.318.084.000	-	19.628.181.890
Phải trả người bán	22.410.992.086	-	-	22.410.992.086
Các khoản phải trả khác	1.970.200.327	-	-	1.970.200.327
Cộng	35.691.290.303	8.318.084.000	-	44.009.374.303
Số đầu năm				
Vay và nợ	11.082.140.080	3.669.229.000	-	14.751.369.080
Phải trả người bán	13.066.006.877	-	-	13.066.006.877
Các khoản phải trả khác	290.724.865	-	-	290.724.865
Cộng	24.438.871.822	3.669.229.000	-	28.108.100.822

Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.802,43	1.888,43
Phải thu khách hàng	90.790,00	-
Vay và nợ	(468.634,00)	(690.284,00)
Phải trả người bán	(141,00)	(141,00)
Các khoản phải trả khác	(2.803,47)	-
(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(270.986,04)	(688.536,57)

Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chỉ liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	(9.079.230.550)	(468.634,00)	-	(690.284,00)
Nợ phải trả thuần	(9.079.230.550)	(669.334,00)	-	(690.284,00)

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ vay thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.382.041.777	7.146.535.931	9.382.041.777	7.146.535.931
Phải thu khách hàng	24.130.490.083	13.936.921.621	22.970.665.958	13.936.921.621
Các khoản phải thu khác	28.323.981	32.683.981	28.323.981	32.683.981
Cộng	33.540.855.841	21.116.141.533	32.381.031.716	21.116.141.533
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	19.628.181.890	14.751.369.080	19.628.181.890	14.751.369.080
Phải trả người bán	22.410.992.086	13.066.006.877	22.410.992.086	13.066.006.877
Các khoản phải trả khác	1.970.200.327	290.724.865	1.970.200.327	290.724.865
Cộng	44.009.374.303	28.108.100.822	44.009.374.303	28.108.100.822

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty ước tính giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ ngắn hạn.

Lập, ngày 15 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương

Giám đốc



Hoàng Trọng Diên